

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 78/2023/DS-ST
Ngày: 03-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Trung.
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Lê Văn Dài.

Ông Phạm Văn Liệt.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Văn Phụng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nhân là Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 04/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1981.

Hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh A.

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

- **Bị đơn:** Bà Lê Thị H, sinh năm 1967.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

- **Người làm chứng:**

1. Anh Phan Thành Dương, sinh năm 1980.

2. Chị Lê Thị Yến Vân, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ cư trú: Số X, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

Anh Nguyễn Văn L có mặt, bà Lê Thị H vắng mặt lần thứ 2 không có L do.

Anh Phan Thành D, chị Lê Thị Yến V có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn L trình bày:

Vào ngày 22/12/2021 dương lịch tại nhà của anh Phan Thành D, sinh năm 1980 và chị Lê Thị Yến V, sinh năm 1980. Cùng ngụ tại số X, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ. Bà Lê Thị H có trực tiếp hỏi vay của anh Nguyễn Văn L số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), việc trả lãi hàng tháng vào ngày 22 tây, việc vay mượn có làm giấy biên nhận có sự chứng kiến của anh Phan Thành Dương và chị Lê Thị Yến Vân. Trong biên nhận không ghi lãi suất cụ thể (lãi suất thỏa thuận miệng là 03%/tháng).

Sau khi vay, bà H có trả lãi cho anh Nguyễn Văn L được 05 tháng tiền lãi với số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Từ ngày 23/5/2022 thì bà H không tiếp tục trả lãi cho anh L nữa.

Anh L có báo cho bà H biết và yêu cầu trả lại tiền vốn, lãi nhiều lần nhưng bà Lê Thị H hứa hẹn nhưng thực hiện.

Tính đến ngày giải quyết vụ án 03/4/2023 bà H còn nợ lại anh L số tiền cụ thể như sau:

Nợ gốc 100.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 23/5/2022 đến ngày 03/4/2023 là 10 tháng 11 ngày: 100.000.000 đồng x 20%/năm x 10 tháng 11 ngày = 17.209.000 đồng (Mười bảy triệu, hai trăm lẻ chín nghìn đồng).

Anh Nguyễn Văn L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Lê Thị H có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn L số tiền gốc, lãi tính đến ngày 03/4/2023 tổng cộng là 117.209.000 đồng (Một trăm mười bảy triệu, hai trăm lẻ chín nghìn đồng).

- Bị đơn bà Lê Thị H không có Văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

- Người làm chứng anh Phan Thành D và chị Lê Thị Yến V trình bày: Vào ngày 22/12/2021 dương lịch tại nhà của anh Dương và chị Vân, cùng ngụ tại số X, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ. Bà Lê Thị H có trực tiếp hỏi vay của anh Nguyễn Văn L số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Anh Phan Thành D và chị Lê Thị Yến V là người chứng kiến sự việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện (Bản chính), biên nhận ngày 22/12/2021 (Bản đối chiếu), căn cước công dân của anh Nguyễn Văn L (Bản photo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Lê Thị H cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có L do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với anh Phan Thành D, chị Lê Thị Yến V là người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa có L do. Trong quá trình giải quyết vụ án đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ vụ án do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với người làm chứng theo quy định tại Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của biên nhận ngày 22/12/2021 dương lịch.

Xét thấy, sau khi thống nhất thỏa thuận giữa anh L và bà H tiến hành xác lập hợp đồng vay tài sản không có ghi lãi suất (chỉ thỏa thuận miệng), thời hạn thanh toán lãi suất và điều kiện để trả vốn gốc. Việc bà H vay tài sản của anh L có sự chứng kiến của anh Phan Thành D và chị Lê Thị Yến V. Điều này chứng minh vào ngày 22/12/2021 dương lịch giữa các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản.

Như vậy, tại thời điểm xác lập hợp đồng vay tài sản anh L và bà H có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định của pháp luật. Do đó, khi xác lập hợp đồng thì anh L và bà H đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hợp đồng vay tài sản giữa anh L và bà H có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 117, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu của anh Nguyễn Văn L trả số tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 23/5/2022 đến khi giải quyết xong vụ án.

Xét về lãi suất các bên thỏa thuận là 03%/tháng, như vậy lãi suất là

36%/năm là không phù hợp với quy định pháp luật nên căn cứ vào Điều 9 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 điều chỉnh lại với mức 20%/năm (1,66%/tháng) số tiền vượt được trừ vào phần nợ gốc.

Như vậy số tiền sau khi điều chỉnh lãi của các khoản vay cụ thể còn dư như sau:

Từ ngày 22/12/2021 đến ngày 22/5/2022: 15.000.000 đồng – (100.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 05 tháng) = 6.700.000 đồng (Sáu triệu, bảy trăm nghìn đồng).

Số tiền gốc còn lại 100.000.000 đồng – 6.700.000 đồng = 93.300.000 đồng (Chín mươi ba triệu, ba trăm nghìn đồng).

Tính đến thời điểm giải quyết vụ án bà Lê Thị H đã đóng lãi được 05 tháng nên việc tính lãi sẽ được tính từ ngày 23/5/2022 đến ngày 03/4/2023 là 10 tháng 11 ngày, với mức lãi suất là 20%/năm cụ thể: 93.300.000 đồng x 20%/năm x 10 tháng 11 ngày = 16.056.000 đồng (Mười sáu triệu, không trăm năm mươi sáu nghìn đồng) là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những phân tích đã nêu trên, anh Nguyễn Văn L yêu cầu bà Lê Thị H trả cho anh Nguyễn Văn L số tiền gốc và lãi là 109.356.000 đồng (Một trăm lẻ chín triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L nên bà Lê Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 229, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 117, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng vay tài sản;

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L.

Buộc bà Lê Thị H trả cho anh Nguyễn Văn L số tiền vay gốc và lãi là 109.356.000 đồng (Một trăm lẻ chín triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (04/4/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Buộc bà Lê Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.468.000 đồng (Năm triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Hoàn trả anh Nguyễn Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.615.000 đồng (Hai triệu, sáu trăm mười lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số 0016119 ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Trung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA